BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM HÙNG VƯƠNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN

BẢO HIỂM HÙNG VƯƠNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 43
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/GP/KDBH do Bộ tài chính cấp ngày 19/05/2008, điều chỉnh lần thứ 15 theo Giấy phép điều chỉnh số 50/GPDDC15/KDBH ngày 04/01/2024.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Tầng 5 Tòa nhà Samsora Premier, 105 đường Chu Văn An, P. Yết Kiêu, Q. Hà Đông, Thành phố Hà Nội từ ngày 24/08/2023 theo Công văn số 9105/BTC-QLBH. Trước đó, trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: 126 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà	Phương Thanh Nhung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03/04/2023
Ông	Lê Văn Thành	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 03/04/2023
Bà	Đặng Giáng Hương	Thành viên	
Ông	Bùi Trung Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03/04/2023
Ông	Bùi Quang Bách	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03/04/2023
Ông	Phạm Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03/04/2023
Ông	Trần Hồng Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 03/04/2023
Ông	Nguyễn Minh Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 03/04/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà	Nguyễn Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành	Bổ nhiệm ngày 24/01/2024
Ông	Bùi Trung Kiên	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24/01/2024
Bà	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31/03/2023
Ông	Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26/04/2023
Ông	Vũ Đức Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08/02/2023
Ông	Nguyễn Tuấn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2023
Ông	Nguyễn Đình Lợi	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 10/02/2024
Ông	Châu Tuấn	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 10/02/2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Trần Thị Thu Trang	Trưởng ban
Ông	Đỗ Anh Đức	Thành viên
Ông	Nguyễn Khả Nhân	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÙNG VƯƠNG

Nguyễn Thu Thủy
Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Số: 300324.006/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương được lập ngày 30 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh , Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần trên Báo cáo kiểm toán tại ngày 08 tháng 03 năm 2023.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Ngô Minh Quý	**Đào Trung Thành**
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1	Số: 4700-2024-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
100	**A.**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**947.260.704.617**	**683.845.302.850**
110	**I.**	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**03**	**107.108.612.995**	**70.560.942.527**
111	1.	Tiền		38.791.032.584	9.888.805.942
112	2.	Các khoản tương đương tiền		68.317.580.411	60.672.136.585
120	**II.**	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**04**	**314.757.292.285**	**227.765.077.892**
121	1.	Chứng khoán kinh doanh		155.123.858.138	132.476.519.818
122	2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(32.866.565.853)	(62.061.441.926)
123	3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		192.500.000.000	157.350.000.000
130	**III.**	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**388.426.538.150**	**305.316.813.735**
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	203.581.729.664	104.701.590.492
131.1	*2.*	*Phải thu về hợp đồng bảo hiểm*		*203.264.593.064*	*104.434.395.492*
131.2	*3.*	*Phải thu khác của khách hàng*		*317.136.600*	*267.195.000*
132	4.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	145.547.680.775	73.481.625.766
135	5.	Phải thu ngắn hạn khác	07	43.205.665.669	130.713.983.425
139	6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.908.537.958)	(3.580.385.948)
140	**IV.**	**Hàng tồn kho**	**09**	**285.500.234**	**227.128.920**
141	1.	Hàng tồn kho		285.500.234	227.128.920
150	**V.**	**Tài sản ngắn hạn khác**		**28.001.519.046**	**25.278.616.391**
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	13	28.001.119.046	24.643.360.053
151.1	*2.*	*Chi phí hoa hồng chưa phân bổ*		*12.622.839.890*	*6.259.979.026*
151.2	*3.*	*Chi phí trả trước ngắn hạn khác*		*15.378.279.156*	*18.383.381.027*
152	4.	Thuế GTGT được khấu trừ		400.000	-
154	5.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	-	635.256.338
190	**VIII.**	**Tài sản tái bảo hiểm**	**10**	**108.681.241.907**	**54.696.723.385**
191	1.	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		100.536.432.504	49.004.207.046
192	2.	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		8.144.809.403	5.692.516.339

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN		Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
200	**B.**	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**44.162.953.993**	**82.314.136.260**
210	**I.**	**Các khoản phải thu dài hạn**		**9.549.496.088**	**6.800.282.240**
218	1.	Phải thu dài hạn khác	07	9.549.496.088	6.800.282.240
218.1	-	*Ký quỹ bảo hiểm*		*6.050.000.000*	*6.000.000.000*
218.2	-	*Phải thu dài hạn khác*		*3.499.496.088*	*800.282.240*
220	**II.**	**Tài sản cố định**		**3.529.771.540**	**4.048.467.051**
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	11	3.391.104.874	4.048.467.051
222	-	*Nguyên giá*		*9.887.075.481*	*9.610.417.300*
223	-	*Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(6.495.970.607)*	*(5.561.950.249)*
227	2.	Tài sản cố định vô hình	12	138.666.666	-
228	-	*Nguyên giá*		*2.003.937.645*	*1.847.937.645*
229	-	*Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(1.865.270.979)*	*(1.847.937.645)*
250	**V.**	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**04**	**13.002.200.000**	**67.002.200.000**
253	1.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.002.200.000	8.002.200.000
255	2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.000.000.000	59.000.000.000
260	**VI.**	**Tài sản dài hạn khác**		**18.081.486.365**	**4.463.186.969**
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	13	18.081.486.365	4.463.186.969
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**			**991.423.658.610**	**766.159.439.110**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**		**472.078.381.315**	**248.127.265.865**
310	**I.**	**Nợ ngắn hạn**		**466.190.096.612**	**245.443.603.333**
312	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	14	213.343.658.433	108.842.548.323
312.1	*2.*	*Phải trả về hợp đồng bảo hiểm*		*213.292.882.551*	*108.281.547.408*
312.2	*3.*	*Phải trả khác cho người bán*		*50.775.882*	*561.000.915*
313	4.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	5.127.764.675	4.655.714.382
314	5.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.442.202.237	1.669.623.129
315	6.	Phải trả người lao động		5.143.904.163	1.203.043.993
316	7.	Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.539.005.495	2.079.459.746
319	8.	Phải trả ngắn hạn khác	19	14.143.483.740	9.940.654.257
319.1	9.	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	20	19.201.360.517	10.655.862.885
323	10.	Quỹ khen thưởng phúc lợi		70.464.394	70.464.394
329	11.	Dự phòng nghiệp vụ	21	203.178.252.958	106.326.232.224
329.1	*11.1*	*Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm*		*154.325.321.756*	*67.994.465.016*
329.2	*11.2*	*Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm*		*32.872.857.101*	*23.885.058.877*
329.3	*11.3*	*Dự phòng giao động lớn*		*15.980.074.101*	*14.446.708.331*
330	**II.**	**Nợ dài hạn**		**5.888.284.703**	**2.683.662.532**
338	1.	Doanh thu chưa thực hiện	18	5.888.284.703	2.683.662.532
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**519.345.277.295**	**518.032.173.245**
410	**I.**	**Vốn chủ sở hữu**	22	**519.345.277.295**	**518.032.173.245**
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		496.440.330.000	496.440.330.000
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần		7.061.113.274	7.061.113.274
414	3.	Cổ phiếu quỹ		(5.339.500.000)	(5.339.500.000)
417	4.	Quỹ đầu tư phát triển		2.069.061.362	2.069.061.362
420	5.	Quỹ dự phòng tài chính		127.783.663	127.783.663
419	6.	Quỹ dự trữ bắt buộc		6.283.422.891	6.217.767.688
421	7.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.703.066.105	11.455.617.258
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**991.423.658.610**	**766.159.439.110**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÙNG VƯƠNG

Đàm Việt Hòa	**Nguyễn Đình Lợi**	**Nguyễn Thu Thủy**
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành
		Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
10	1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		235.908.817.327	146.523.830.151
11	2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		-	-
12	3. Doanh thu hoạt động tài chính	30	19.678.047.504	79.853.779.673
13	4. Thu nhập khác	33	17.348.233.486	2.664.514.286
20	5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		199.266.168.427	104.237.012.880
21	6. Giá vốn bất động sản đầu tư		-	-
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	31	465.259.414	74.089.807.918
23	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	70.417.942.568	49.354.264.324
24	9. Chi phí khác	34	684.938.208	10.206.149
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 11 + 12 + 13 - 20 - 21 - 22 - 23 - 24)		2.100.789.700	1.350.832.839
51	11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35	787.685.650	-
52	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		1.313.104.050	1.350.832.839
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	27	32

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
01	**1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)**	24	**295.506.078.987**	**191.021.199.710**
	Trong đó:			
01.1	- Phí Bảo hiểm gốc		334.453.458.364	175.460.849.447
01.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		47.383.477.362	36.421.794.523
01.3	- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		86.330.856.739	20.861.444.260
02	**2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)**	25	**176.968.133.341**	**111.386.001.234**
	Trong đó:			
02.1	- Phí nhượng tái bảo hiểm		228.500.358.798	140.618.477.594
02.2	- Tăng (giảm) Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		51.532.225.457	29.232.476.360
03	**3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)**		**118.537.945.646**	**79.635.198.476**
04	**4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)**		**117.370.871.681**	**66.888.631.675**
	Trong đó:			
04.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	26	44.649.320.153	27.158.202.153
04.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	27	72.721.551.528	39.730.429.522
10	**5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)**		**235.908.817.327**	**146.523.830.151**
11	**6. Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)**		**115.623.958.615**	**63.224.113.294**
	Trong đó:			
11.1	- Tổng chi bồi thường		115.623.958.615	63.224.113.294
11.2	- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)		-	-
12	**7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm**		**56.009.669.697**	**20.155.805.198**
13	**8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm**		**8.987.798.224**	**(7.204.221.588)**
14	**9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm**		**2.452.293.064**	**136.819.895**
15	**10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)**	28	**66.149.794.078**	**35.727.266.613**
16	**11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn**		**1.533.365.770**	**712.641.663**
17	**12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)**	29	**131.583.008.579**	**67.797.104.604**
	Trong đó:			
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm		30.281.836.639	24.369.659.545
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		101.301.171.940	43.427.445.059
18	**13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)**		**199.266.168.427**	**104.237.012.880**

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
19	**14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)**		36.642.648.900	42.286.817.271
20	15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		-	-
21	16. Giá vốn bất động sản đầu tư		-	-
22	**17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22 = 20 - 21)**		-	-
23	18. Doanh thu hoạt động tài chính	30	19.678.047.504	79.853.779.673
24	19. Chi phí hoạt động tài chính	31	465.259.414	74.089.807.918
25	**20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 - 24)**		**19.212.788.090**	**5.763.971.755**
26	21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	70.417.942.568	49.354.264.324
30	**22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 19 + 22 + 25 - 26)**		**(14.562.505.578)**	**(1.303.475.298)**
31	23. Thu nhập khác	33	17.348.233.486	2.664.514.286
32	24. Chi phí khác	34	684.938.208	10.206.149
40	**25. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)**		**16.663.295.278**	**2.654.308.137**
50	**26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)**		**2.100.789.700**	**1.350.832.839**
51	27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35	787.685.650	-
52	28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)**		**1.313.104.050**	**1.350.832.839**
70	**30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**36**	**27**	**32**

Đàm Việt Hòa	**Nguyễn Đình Lợi**	**Nguyễn Thu Thủy**
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành
		Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***2.100.789.700***	***1.350.832.839***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		951.353.692	993.698.375
03	- Các khoản dự phòng		14.000.778.149	56.941.006.104
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(16.104.372.606)	(14.207.483.043)
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***948.548.935***	***45.078.054.275***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(83.407.835.063)	(253.763.019.960)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(58.371.314)	(97.852.020)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		127.184.124.040	81.289.001.544
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(16.976.058.389)	(10.311.204.188)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(22.647.338.320)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(237.458.636)	(55.196.063)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***4.805.611.253***	***(137.860.216.412)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(432.658.181)	(2.651.160.141)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(152.500.000.000)	(483.418.265.227)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		171.350.000.000	453.600.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.324.717.396	15.494.170.991
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***31.742.059.215***	***(16.975.254.377)***
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	196.440.330.000
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(1.687.140.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		-	***194.753.190.000***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		36.547.670.468	39.917.719.211
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		70.560.942.527	30.643.223.316
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	107.108.612.995	70.560.942.527

Đàm Việt Hòa	**Nguyễn Đình Lợi**	**Nguyễn Thu Thủy**
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành
		Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024